

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 20

#### 32-GIẢI THÍCH PHẨM BA TAM MUỘI

**KINH:** Tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Tám bội xả, Tám thắng xứ; Chín thứ đệ định, Mười nhất thiết xứ.

**LUẬN:** Hỏi: Vì sao sau Ba mươi bảy đạo phẩm nói tám loại pháp?

Đáp: Ba mươi bảy đạo phẩm là con đường đi đến Niết-bàn. Đi trọn con đường ấy là được đến thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn có ba cửa là Không, Vô tướng, Vô tác. Đã nói con đường thì tiếp theo phải nói cửa vào đến nơi. Bốn thiền v.v... là pháp giúp mở cửa.

Lại nữa, Ba mươi bảy đạo phẩm là pháp thượng diệu; tâm ở Dục giới tán loạn, hành giả phải nương đất nào, phương tiện nào mới được? Phải nương các thiền định Sắc giới, Vô sắc giới. Đối với Bốn vô lượng tâm, Bốn vô sắc định, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Chín thứ đệ định, Mười nhất thiết xứ, thử nghiệm tâm để biết đã được nhu nhuyễn tự tại tùy ý chăng? Ví như người cầm cương thử ngựa chạy quanh co tùy ý, vậy sau mới vào trận chiến đấu. Mười nhất thiết xứ cũng như vậy, quán lấy một vật có sắc xanh, rồi quán thấy hết thấy vật đều khiến xanh cả, hết thấy vàng cả, hết thấy đỏ cả, hết thấy trắng cả, đều như vậy. Lại đối trong các duyên của Tám thắng xứ được tự tại. Sơ và nhị bội xả là quán thân bất tịnh, đệ tam bội xả là quán thân trở lại tịnh. Bốn tâm vô lượng, từ vô lượng thì quán chúng sanh đều vui; bi vô lượng thì quán chúng sanh đều khổ; hỷ thì quán chúng sanh đều mừng. Xả là đối với ba tâm ấy, chỉ quán chúng sanh mà không có tâm thương ghét.

Lại nữa, có hai thứ quán: 1- Được liễu giải quán. 2- Thật quán. Thật quán là Ba mươi bảy đạo phẩm. Vì thật quán khó được nên lần lượt nói

được liễu giải quán. Trong liễu giải quán thì tâm được nhu nhuyễn, dễ được thật quán. Dùng thật quán được vào ba cửa Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là cửa không của Niết-bàn?

Đáp: Quán các pháp không có ngã, ngã sở. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, không có ai làm, không có ai chịu; ấy gọi là cửa không.

Lại nữa, cửa không như trong chương Nhẫn Trí đã nói.

Biết là vô ngã, ngã sở, tại sao chúng sanh đối với các pháp sanh tâm ưa đắm? Hành giả suy nghĩ rằng: Các pháp do nhân duyên sanh, không có pháp thật, chỉ có tướng; các chúng sanh thủ lấy tướng ấy chấp là ngã, ngã sở. Nay ta hãy quán tướng ấy là có thể có thật hay chẳng? Quán xét kỹ càng thấy không thể có được. Hoặc tướng nam, tướng nữ, tướng nhất, khác v.v... các tướng ấy thật sự đều không thể có. Vì sao? Vì các pháp vô ngã, ngã sở cho nên không; không cho nên không có pháp nam, nữ, nhất, khác. Trong ngã, ngã sở có danh tự là nhất là khác. Vì thế pháp nam, nữ, nhất, khác thật sự không thể có được.

Lại nữa, bốn đại và bốn đại sở tạo sắc (là sắc, hương, vị, xúc) bao bọc chỗ trống không nên gọi là thân. Trong ấy do nhân duyên của nội nhập và ngoại nhập hòa hiệp sanh thức chủng, thân được hòa hiệp với thức chủng ấy mà làm mọi công việc, nói năng, ngồi đứng, đi lại. Nói trong chỗ hư không có sáu đại chủng (đất, nước, gió, lửa, không, thức) hòa hiệp, miễn cưỡng gọi là nam, miễn cưỡng gọi là nữ. Nếu sáu đại chủng là nam, thì phải có sáu nam chứ không thể lấy một làm sáu, sáu làm một; trong địa chủng cũng không có tướng nam nữ, cho đến trong thức chủng cũng không có tướng nam nữ. Nếu trong mỗi địa chủng không có tướng nam nữ, thì trong khi hòa hiệp cũng không thể có. Ví như sáu con chó, mỗi con không thể sanh ra sư tử; sáu con hợp lại cũng không thể sanh, vì vô tự tánh.

Hỏi: Vì sao không có nam nữ? Tuy thần ngã không có phân biệt, nhưng chính thân thì có phân biệt nam nữ khác nhau. Thân ấy không thể lìa thân phần, thân phần cũng không thể lìa được thân; như thấy phần chân của thân, là biết có pháp để có phần ấy (hữu phần pháp); pháp ấy gọi là thân. Phần chân v.v... của thân khác với thân; thân tức là tướng nam nữ?

Đáp: Thần ngã đã bị phá trước kia, thì thân tướng cũng bị hoại, nay sẽ nói lại: Nếu có pháp hữu phần ấy gọi là thân, thân ấy có đủ ở trong các phần (của nó) hay là thân phần chia ở khắp các phần? Nếu trong các phần đầy đủ các thân, thì trong phần đầu phải có phần chân. Vì sao? Vì trong phần đầu đầy đủ có thân vậy. Nếu thân phần chia ở khắp trong

các phần, thì thân và từng phần không có khác nhau. Thân hữu phần tùy thuộc theo các phần vậy.

Hỏi: Nếu phần chân của thân v.v... với pháp có ra phần đó khác nhau, thì có lỗi. Còn nay phần chân của thân v.v... với thân có ra phần ấy không khác nhau, nên không có lỗi?

Đáp: Nếu phần chân của thân v.v... với thân có ra phần ấy không khác nhau, thì đầu tức là chân. Vì sao? Vì hai thứ đó là thân không khác nhau. Lại từng phần của thân có nhiều, mà thân có ra từng phần đó chỉ có một, không thể nhiều làm một, một làm nhiều được.

Lại nữa, vì nhân không có nên quả không có, chẳng phải quả không có nên nhân không có. Nếu từng phần của thân với thân có ra phần ấy không khác nhau, thì có thể quả không có nên nhân không có. Vì sao? Vì nhân quả là một vậy. Trong hoặc một, hoặc khác, tìm thân đều không thể có được. Thân đã không có, thì ở chỗ nào có nam nữ? Nếu có nam nữ, thì nam nữ ấy là thân, hay khác thân? Là thân thì không thể có được. Nếu cho nó ở nơi pháp khác, thì pháp khác chẳng phải là sắc, nên không có tướng nam nữ sai khác. Chỉ do nhân duyên hai đời hòa hiệp, vì tâm diên đảo cho nên gọi là nam nữ, như kệ nói:

*Cúi, ngưỡng, co, duỗi, đứng, đi, lại,  
Trong, xem, ngó, nói năng, không thật.  
Gió nghiệp nương thức có tạo tác,  
Thức ấy diệt mất, niệm niệm không.  
Kia đây nam nữ khởi tâm ta,  
Vì không trí tuệ vọng thấy có,  
Xương móc liền nhau da thịt phủ,  
Máu móc động tác như người gỗ.  
Trong tuy không thật, ngoài tựa người,  
Ví như nấu vàng rót vào nước,  
Cũng như lửa đồng đốt rình tre,  
Do nhân duyên hợp phát ra tiếng*

Các tướng như vậy, như trước đã nói rồi, ở đây nói rộng thêm, ấy gọi là môn Vô tướng.

Vô tác là đã biết vô tướng đều vô tác, ấy gọi là môn Vô tác.

Hỏi: Ba thứ ấy, do trí tuệ quán Không, Vô tướng, Vô tác. Trí tuệ ấy vì sao gọi là Tam muội?

Đáp: Ba thứ trí tuệ ấy, nếu không ở trong định, thì là cuồng tuệ, phần nhiều rơi vào tà nghi, không thể làm được gì. Nếu ở trong định thì có thể phá các phiền não, ngộ được thật tướng các pháp.

Lại nữa, đạo lý này khác với thế gian, trái ngược thế gian. Các thánh nhân ở trong định, chứng được thật tướng mà nói ra, chẳng phải do cuồng tâm nói ra.

Lại nữa, trong các thiền định mà không có ba pháp này, thì không gọi là Tam muội, vì sao? Vì còn thối thất, đọa vào sanh tử, như kệ nói:

*Hay trì tịnh giới, gọi Tỳ-kheo,  
Hay quán không, gọi người tu định,  
Người nhất tâm thường siêng tinh tấn,  
Gọi là người chân thật hành đạo.  
Vui nhất ở trong các thứ vui,  
Đoạn hết khát ái dứt pháp cuồng,  
Bỏ thân ngũ uẩn vào đạo pháp,  
Ấy là thường vui được Niết-bàn.*

Do vậy Phật nói ba môn giải thoát là Tam muội.

Hỏi: Sao gọi là giải thoát môn?

Đáp: Thực hành pháp ấy thì được giải thoát, vào Vô-dư Niết-bàn; do vậy gọi là cửa giải thoát. Vô-dư Niết-bàn là chơn giải thoát, thoát khỏi khổ nơi thân tâm, lấy Hữu-dư Niết-bàn làm cửa. Ba pháp này tuy chẳng phải là Niết-bàn, song là nhân của Niết-bàn, nên gọi là Niết-bàn. Thế gian trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Không, Vô tướng, Vô tác này là tánh định, là tâm tâm sở pháp tương ứng với định, thân nghiệp khẩu nghiệp hành động theo; trong đây khởi lên các tâm bất tướng ứng hành hòa hiệp, đều được gọi là Tam muội. Ví như vua đến, chắc chắn có đại thần và kẻ hầu hạ đi theo. Tam muội như vua, trí tuệ như đại thần, các pháp khác như kẻ hầu hạ. Tên các pháp khác tuy không nói ra, nhưng chắc chắn phải có. Vì sao? Vì định lực không đơn độc phát sanh, không thể đơn độc làm gì được. Đây là do các pháp cộng sanh, cộng trụ, cộng diệt, cộng thành; làm lợi ích cho nhau.

- Không Tam muội có hai hành tướng:

1- Quán năm thọ uẩn không có tướng một, tướng khác cho nên không.

2- Quán ngã, ngã sở pháp, không thể có được nên vô ngã.

- Vô tướng Tam muội có bốn hành tướng là tận, diệt, diệu, xuất. Quán Niết-bàn hết sạch tất cả khổ, nên gọi là tận. Lửa ba độc phiền não v.v... diệt hết, nên gọi là diệt; thứ nhất trong hết thấy pháp nên gọi là diệu; lia khỏi thế gian nên gọi là xuất.

- Vô tác Tam muội có mười hành tướng: Quán năm thọ uẩn do nhân duyên sanh nên vô thường; thân tâm bị phiền não nên khổ. Quán nhân

của năm thọ uẩn có bốn hành tướng: Phiền não và nghiệp hữu lậu hòa hiệp sanh ra khổ quả, nên gọi là tập; do sáu nhân sanh khổ quả, nên gọi là nhân; do bốn duyên sanh khổ quả, nên gọi là duyên; nhân duyên bằng nhau không nhiều không ít sanh ra khổ quả, nên gọi là sanh. Quán năm bất thọ uẩn có bốn hành tướng: Tám thánh đạo phần có thể đưa đến Niết-bàn, nên gọi là đạo; không điên đảo nên gọi là Chánh; chỗ đi của hết thảy Thánh nhân nên gọi là tích; phiền não ái và kiến không ngăn trở được nên gọi là đáo.

Ba giải thoát môn này ở trong chín địa là bốn thiền, vị đáo địa, trung gian thiền và ba vô sắc định, nó thuộc tánh vô lậu. Hoặc có người nói: Ba giải thoát môn, hoàn toàn vô lậu, còn ba Tam muội thì hoặc hữu lậu hoặc vô lậu; do vậy nên có hai tên là Tam muội và Giải thoát. Nói như vậy: Trong Mười một địa là Sáu địa đầu, Ba vô sắc, Dục giới và Hữu đảnh địa. Nếu là hữu lậu thì buộc vào ở cả mười một địa; nếu là vô lậu thì không bị buộc mà có hỷ căn, lạc căn, xả căn tương ưng. Khi Sơ học thì ở tại cõi Dục, thành tựu thì ở tại trong cõi Sắc và Vô sắc. Như vậy, thành tựu không thành tựu, tu không tu; như trong A-tỳ-đàm nói rộng.

Lại nữa, có hai nghĩa “không” để quán hết thảy pháp không; đó là chúng sanh không và pháp không. Chúng sanh không như trên đã nói, còn Pháp không là các pháp tự tướng không. Như Phật nói với Tu-bồ-đề: “Sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không”.

Hỏi: Nói chúng sanh không, pháp chẳng không là có thể tin được, còn nói pháp tự tướng không là không thể tin được. Vì sao? Vì nếu pháp tự tướng không, thì không sanh, không diệt; không sanh không diệt nên không tội không phước; không tội không phước cho nên cần gì học đạo?

Đáp: Có pháp “không” nên mới có tội phước, nếu không có pháp “không” thì không thể có tội phước. Vì sao? Vì nếu các pháp thật có tự tánh, thì không thể biến hoại. Tướng của tánh không từ nhân duyên sanh; nếu từ nhân duyên sanh, là pháp có tạo tác. Nếu pháp tánh là pháp có tạo tác, thì có thể phá hoại; nếu nói pháp tánh, pháp có tạo tác có thể phá hoại, việc ấy không đúng! Tánh gọi là pháp không tạo tác, không chờ nhân duyên mới có. Các pháp tự tánh vốn có, vốn có thì không sanh, vì tánh đã có trước rồi vậy. Nếu không sanh thì không diệt, sanh diệt không có nên không có tội phước. Vì không có tội phước nên cần gì học đạo? Nếu chúng sanh có chơn tánh, thì không ai hại được, không ai làm lợi được, vì tự tánh cố định vậy. Những người như vậy thì không biết ân nghĩa, phá hoại nghiệp nhân và quả báo. Trong pháp “không”

cũng không có tướng pháp không. Ông biết pháp không mà ông mang tâm nhiệm trước, nên mới nạn vấn như vậy. Pháp không này, chính chư Phật vì lòng lân mẫn, nên mới nói ra để dứt ái kiết, trừ tà kiến cho chúng sanh.

Lại nữa, thật tướng của các pháp hay dứt hết các khổ và là chỗ chơn thật hành của các Thánh nhân. Nếu pháp không này có tự tánh, thì khi nói hết thấy pháp không, làm sao nó cũng tự không? Nếu không có tự tánh của pháp không, thì ông nạn cái gì?

Do hai không ấy có thể quán các pháp đều không, tâm lìa được các pháp, biết thế gian hư dối như huyễn.

Quán không như vậy, nếu còn chấp thủ tướng không của các pháp, do nhân duyên ấy mà sanh ra các kiết sử kiêu mạn v.v... nói rằng “Ta biết được thật tướng của các pháp” thì lúc này nên phải học môn Vô tướng, để dứt tâm chấp thủ tướng không ấy đi. Nếu trong vô tướng mà còn sanh tâm hý luận, muốn phân biệt có sự tạo tác, chấp trước vào vô tướng ấy thì khi này phải tự suy nghĩ rằng: “Ta bị sai lầm rồi, trong các pháp không vô tướng, làm sao có tướng được, mà chấp thủ tướng nổi lên hý luận?” Lúc này, nên phải hành theo không và vô tướng. Thân, khẩu, ý, không nên có sự tạo tác gì; chỉ nên quán tướng vô tác, diệt ba độc, không nên khởi thân nghiệp ý nghiệp, không nên cầu sanh thân trong ba cõi. Khi tư duy như vậy, trở lại vào môn Vô tác giải thoát.

Ba môn giải thoát này, ở trong Đại thừa chỉ là một pháp, vì nhân duyên thực hành, nên mới có ba thứ.

Quán các pháp không, ấy gọi là không, ở trong không không thể thủ tướng. Bấy giờ “Không” chuyển lại gọi là “Vô tướng”. Trong Vô tướng không nên có tạo tác để sanh vào ba cõi. Bấy giờ “Vô tướng” chuyển lại gọi là Vô tác”; ví như thành có ba cửa, một người không thể một lúc từ cả ba cửa đi vào, nếu vào thì chỉ từ một cửa. Thật tướng các pháp là thành Niết-bàn, thành có ba cửa là Không, Vô tướng, Vô tác. Nếu người vào cửa không, mà không thủ đắc Không ấy, cũng không thủ tướng, người ấy đi thẳng vào. Sự việc xong, không cần đến hai cửa kia nữa. Nếu người vào cửa Không này, mà còn thủ tướng đắc, thì Không ấy, đối với người này không được là cửa; vì đường thông thương đã bị bít lại. Hoặc trừ tướng Không, bấy giờ theo cửa Vô tướng mà vào, nếu đối với tướng Vô tướng mà tâm còn chấp thủ, sanh hý luận, bấy giờ hãy trừ tâm chấp thủ tướng Vô tướng mà vào cửa Vô tác.

Trong nghĩa của A-tỳ-đàm thì Không giải thoát môn này duyên Khổ đế, gồm năm uẩn; Vô tướng giải thoát môn duyên một pháp, đó là

thường thường duyên Diệt đế; Vô tác giải thoát môn duyên ba đế gồm năm uẩn.

Trong nghĩa của Đại thừa, ba giải thoát môn này duyên thật tướng các pháp, vì ba giải thoát môn này xem thế gian tức là Niết-bàn. Vì sao? Vì Niết-bàn là Không, Vô tướng, Vô tác. Thế gian cũng như vậy.

Hỏi: Như kinh nói: “Một cửa Niết-bàn”, sao nay nói có ba?

Đáp: Trên kia đã nói, pháp tuy một mà nghĩa có ba. Lại nữa, người đáng được độ có ba hạng: Hạng tham ái nhiều, hạng chấp kiến nhiều, hạng ái và kiến ngang nhau.

Hạng chấp kiến nhiều thì nói Không giải thoát môn cho họ thấy hết thấy các pháp do nhân duyên sanh, không có tự tánh. Không tự tánh nên không; không cho nên các chấp kiến diệt.

Hạng tham ái nhiều thì nói Vô tác giải thoát môn cho họ thấy hết thấy pháp là vô thường, khổ, do nhân duyên sanh. Thấy rồi thì tâm sẽ nhàm chán mà lìa ái, liền được vào đạo.

Hạng ái và kiến ngang nhau thì nói Vô tướng giải thoát môn cho họ nghe biết tướng nam nữ là không có, cho nên dứt ái; tướng một và khác là không có, cho nên dứt kiến.

Phật, hoặc một lúc nói hai môn, hoặc một lúc nói ba môn. Hàng Bồ-tát nên phải học khắp, biết hết thấy đạo, cho nên Phật nói ba môn. Lại có khi vì muốn thực hành các việc khác, cho nên chỉ nói lược nghĩa của ba môn.

Tứ thiên có hai thứ: 1- Tịnh thiên. 2- Vô lậu thiên. Sao gọi là tịnh? Là năm uẩn hữu lậu thiên. Sao gọi là vô lậu? Là năm uẩn vô lậu. Thân khẩu nghiệp nhiếp vào trong Tứ thiên là sắc pháp, phần nghiệp còn lại chẳng phải là sắc pháp. Hết thấy đều không thể thấy, không đối ngại, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hữu lậu là năm uẩn thiên hữu lậu; vô lậu là năm uẩn vô lậu, đều là hữu vi. Hữu lậu thì bị trói buộc vào sắc, vô lậu thì không bị trói buộc. Thân nghiệp khẩu nghiệp và các tâm bất tương hành thuộc vào trong thiên, là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở, chẳng phải tâm tương ứng.

Thọ uẩn, tướng uẩn và tương ứng hành uẩn thuộc vào trong thiên là tâm sở pháp, cũng là tâm tương ứng. Tâm, ý, thức nhiếp vào trong thiên chỉ là tâm.

Tứ thiên hoặc theo tâm hành chẳng phải thọ uẩn tương ứng, hoặc thọ uẩn tương ứng chẳng phải theo tâm hành; hoặc theo tâm hành cũng thọ uẩn tương ứng; hoặc chẳng phải tâm hành chẳng phải thọ uẩn tương ứng.

Tứ thiền theo tâm hành chẳng phải thọ uẩn tương ứng là, thân nghiệp, khẩu nghiệp, các tâm bất tương ứng hành theo tâm hành và thọ uẩn thuộc trong Tứ thiền.

Tứ thiền thọ uẩn tương ứng chẳng phải theo tâm hành là, tâm ý thức nhiếp trong Tứ thiền.

Tứ thiền theo tâm hành cũng thọ uẩn tương ứng là hành uẩn, tướng uẩn tương ứng hành ấm nhiếp trong Tứ thiền.

Tứ thiền chẳng phải theo tâm hành cũng chẳng phải thọ uẩn tương ứng là, phần các tâm bất tương ứng hành còn lại ngoài theo tâm hành, các tâm tương ứng hành thuộc trong Tứ thiền.

Tướng ấm, hành ấm tương ứng cũng như vậy.

Trong Tứ thiền, ba thiền sau chẳng phải theo giác hành cũng chẳng phải quán tương ứng. Còn Sơ thiền thì hoặc có khi theo giác hành chẳng phải quán tương ứng; hoặc có khi quán tương ứng chẳng phải theo giác hành; hoặc có khi theo giác hành cũng quán tương ứng; hoặc có khi chẳng phải theo giác hành chẳng phải quán tương ứng.

Sơ thiền theo giác hành chẳng quán tương ứng là thân nghiệp khẩu nghiệp và các tâm bất tương ứng hành theo giác hành và quán.

Sơ thiền có quán tương ứng chẳng phải theo giác hành đó là giác.

Sơ thiền theo giác hành cũng có quán tương ứng là các tâm tâm sở pháp có giác và quán tương ứng.

Sơ thiền chẳng phải theo giác hành cũng chẳng phải quán tương ứng là trừ các tâm bất tương ứng hành theo giác hành, phần các tâm bất tương ứng hành còn lại.

Tứ thiền đều có nhân duyên và cũng cho nhân duyên.

Trong Tứ thiền, Sơ thiền hoặc là thứ đệ duyên, chẳng cho thứ đệ duyên; hoặc là thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên; hoặc chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên. Sơ thiền là thứ đệ duyên chẳng cho thứ đệ duyên là tâm tâm sở pháp sắp muốn sanh trong đời vị lai. Sơ thiền là thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên là tâm tâm sở pháp trong quá khứ, hiện tại. Sơ thiền chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên là trừ tâm tâm sở pháp sắp muốn sanh trong đời vị lai; phần còn lại của tâm tâm sở pháp, thân nghiệp, khẩu nghiệp và các tâm bất tương ứng hành trong đời vị lai.

Đệ Nhị, đệ Tam thiền cũng như vậy.

Đệ Tứ thiền là thứ đệ duyên chẳng cho thứ đệ duyên là tâm tâm sở pháp sắp muốn sanh vào vô tướng định hoặc sanh hoặc sắp muốn sanh trong đời vị lai. Đệ Tứ thiền là thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên là



tâm tâm sở pháp trong quá khứ, hiện tại. Đệ Tứ thiền chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên là trừ tâm tâm sở pháp sắp muốn sanh trong đời vị lai, phần còn lại của tâm tâm sở pháp trong đời vị lai, và trừ tâm thứ đệ, các tâm bất tương ưng hành; phần còn lại của các tâm bất tương ưng hành và thân nghiệp, khẩu nghiệp.

Thân nghiệp, khẩu nghiệp, và các tâm bất tương ưng hành thuộc trong Tứ thiền là cho duyên và chẳng phải duyên; phần còn lại cũng là duyên cũng cho duyên.

Tứ thiền cũng là tăng thượng duyên cũng cho tăng thượng duyên.

Những nghĩa như vậy đã phân biệt rộng trong A-tỳ-đàm.

Thiền phương tiện, thiền tướng, thiền chi của Bồ-tát đạt được đều đã nói rõ ở trong Thiền Ba-la-mật.

Hỏi: Trong phần luận nghị về Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ nói các pháp tướng không; Bồ-tát làm sao ở nơi không pháp lại có thể khởi lên thiền định?

Đáp: Bồ-tát biết năm dục và năm thứ ngăn che do nhân duyên sanh không có tự tánh, là không, không có gì, nên xả bỏ nó rất dễ. Chúng sanh vì nhân duyên điên đảo đắm say chút ít thứ vui tẻ xấu của năm dục, năm thứ ngăn che, nên xa lìa thứ thâm diệu trong thiền. Bồ-tát vì hạng chúng sanh đó, khởi tâm đại bi, tu hành thiền định, buộc tâm trong quán duyên, lìa năm dục, trừ năm thứ ngăn che mà vào Sơ thiền rất mừng. Diệt giác quán, nhiếp tâm vào sâu thanh tịnh bên trong, được sự mừng vì diệu mà vào đệ Nhị thiền. Vì sự mừng thâm diệu làm tán loạn định cho nên lìa hết thấy mừng, được cái vui tràn khắp viên mãn mà vào đệ Tam thiền. Lìa hết thấy khổ vui, trừ hết thấy ưu hỷ và hơi thở ra vào; lấy tâm xả thanh tịnh vì diệu để tự trang nghiêm mà vào đệ Tứ thiền.

Ấy là Bồ-tát tuy biết các pháp là không, vô tướng, mà vì chúng sanh không biết, nên lấy thiền tướng để giáo hóa chúng sanh. Nếu thật có “các pháp không” thì không gọi là không; cũng không thể xả bỏ được năm dục mà đắc thiền. Và không có gì bỏ không có gì được, nên không tướng của các pháp cũng bất khả đắc, cho nên không nên nạn rằng “Nếu các pháp không thì làm sao mà đắc thiền”.

Lại nữa, Bồ-tát không phải do chấp thủ tướng, ái trước mà hành thiền; ví như người uống thuốc, cốt để trừ bệnh, chứ không phải vì ngon. Do giới thanh tịnh, trí tuệ thành tựu cho nên hành thiền. Bồ-tát trong mỗi mỗi thiền, thực hành tâm đại từ quán không; đối với thiền không nương tựa gì. Do năm dục thô trọng, đối trá điên đảo cho nên dùng pháp thâm tế vì diệu hư vọng để đối trị, cũng như lấy độc trị độc.